

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN XANH

NGUYỄN AN THỊNH, HOÀNG QUỐC LÂM
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG

Tóm tắt: Phát triển kinh tế biển xanh là một phần quan trọng của tăng trưởng xanh, một phương thức quan trọng gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; góp phần cơ cấu lại nền kinh tế biển từ “nâu” sang “xanh” đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới nền kinh tế trung hòa carbon trong việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Thực hiện phát triển kinh tế biển xanh có nhiều chủ thể, trong đó doanh nghiệp là một trong những chủ thể nòng cốt, quan trọng. Bài viết nghiên cứu về phát triển kinh tế biển xanh gắn với trách nhiệm của doanh nghiệp, những cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp trong phát triển kinh tế biển xanh. Từ đó, đề xuất một số giải pháp, kiến nghị thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện kinh tế biển xanh hướng đến phát triển bền vững nền kinh tế biển.

Từ khóa: doanh nghiệp, trách nhiệm doanh nghiệp, kinh tế biển xanh, kinh tế biển

RESPONSIBILITY OF ENTERPRISE FOR DEVELOPING THE BLUE SEA ECONOMY

Abstract: Developing the blue economy is an important aspect of blue growth, which is a way for inventing the growth model to restructure the marine economy from "brown" to "green", directly contributing to decreasing greenhouse gas emissions towards a carbon neutral economy in deep integration into the global economy. Implementing blue ocean economic development involves many subjects, of which enterprises are one of the core and important ones. This article studied the development of blue ocean economy associated with the responsibility of enterprises, the opportunities and challenges of enterprises in the development of blue ocean economy. From there, the authors proposed some solutions and recommendations to promote enterprises to implement the blue economy towards sustainable development of the blue economy.

Keywords: enterprise, enterprise responsibility, blue economy, marine economy

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam có đường bờ biển dài 3.260 km, vùng biển rộng trên 1 triệu km² (gấp 3 lần diện tích đất liền). Với 28 tỉnh thành phố có đường bờ biển nên kinh tế biển được xác định là động lực, tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) đa ngành liên quan đến doanh nghiệp: kinh tế hàng hải, vận tải đường biển, dịch vụ cảng biển, đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, khai thác

tài nguyên khoáng sản biển, dầu khí và công nghiệp chế biến dầu khí, tìm kiếm, cứu nạn, năng lượng gió, du lịch biển và hải đảo...

Tuy nhiên, cho đến nay, do nhiều nguyên nhân khác nhau, phát triển bền vững (PTBV) kinh tế biển đối với các chủ thể doanh nghiệp (một trong những chủ thể đóng vai trò quan trọng của nền kinh tế quốc gia) lại chưa có sự gắn kết hài hòa giữa việc phát triển KT-XH với bảo vệ môi trường (BVMT).

Phát triển kinh tế biển xanh, một phương thức phát triển mới quan trọng của chiến lược tăng trưởng xanh, là xu hướng chủ đạo của PTBV kinh tế biển nước ta trong thời gian tới. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng đã khẳng định mục tiêu tăng trưởng kinh tế biển theo hướng xanh, bền vững.

Bài viết nghiên cứu về phát triển kinh tế biển xanh gắn với vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp, những cơ hội, khó khăn và thách thức trong “chuyển đổi xanh”, một số giải pháp, kiến nghị thúc đẩy doanh nghiệp phát triển kinh tế biển xanh.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Tài liệu, dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ các văn bản chính sách pháp luật, các công trình nghiên cứu, công bố liên quan đến kinh tế biển, kinh tế biển xanh của một số tác giả, trang thông tin điện tử...

- Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong bài viết là tổng hợp, phân tích tài liệu, dữ liệu thứ cấp, khai thác các thông tin có liên quan nhằm phục vụ thực hiện nội dung kết quả nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kinh tế biển xanh - xu thế tất yếu

Kinh tế biển xanh (Blue Economy) là “một nền kinh tế biển PTBV, ở đó hoạt động kinh tế biển cân bằng với khả năng đáp ứng của các hệ sinh thái biển một cách liên tục” (Hội nghị Đại dương thế giới năm 2015) và được hiểu là các hoạt động kinh tế liên quan đến việc “sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên đại dương để tăng trưởng kinh tế, cải thiện sinh kế và việc làm

cũng như sức khỏe của hệ sinh thái đại dương” (World Bank năm 2017) [12].

Như vậy, kinh tế biển xanh vừa bảo đảm cho kinh tế phát triển, vừa bảo đảm được sự phát triển của các hệ sinh thái biển thông qua các phương thức, như giảm phát thải carbon, tăng trưởng theo chiều sâu, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, thân thiện với môi trường. Việc phát triển kinh tế biển xanh thể hiện rõ vai trò của việc bảo tồn, phát triển bền vững hệ sinh thái biển, hay còn gọi là phát triển kinh tế biển theo hướng tiếp cận hệ sinh thái.

Phát triển kinh tế biển xanh, thực chất là chuyển các ngành kinh tế biển “nâu” truyền thống có quan hệ trực tiếp với các nguồn tài nguyên đại dương, biển và vùng ven biển sang nền kinh tế “xanh” với cách tiếp cận mới, nhằm sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên biển phục vụ phát triển kinh tế, cải thiện sinh kế và việc làm cũng như “sức khỏe” hệ sinh thái biển [4, 5].

Kinh tế biển xanh tìm kiếm sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và tính bền vững sinh thái, thừa nhận tính chất hữu hạn của các nguồn tài nguyên biển và đại dương, nhấn mạnh việc sử dụng lâu dài, bền vững các nguồn tài nguyên, hệ sinh thái biển. Đối với các doanh nghiệp phát triển kinh tế biển xanh được hiểu đơn giản là chuyển chiến lược kinh doanh từ “kinh doanh vì lợi nhuận” sang “kinh doanh có trách nhiệm” bảo đảm hài hòa các lợi ích về kinh tế (lợi nhuận và doanh thu) với lợi ích của người lao động và BVMT [6, 7].

Đối với Việt Nam, phát triển kinh tế biển xanh không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là sự lựa chọn, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta được khẳng định, nhấn mạnh tại Nghị quyết số 36-NQ/TW (2018) về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2045: “PTBV kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hoà giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển...” [2].

Để thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, Việt Nam đang tập trung triển khai Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV, cũng như cam kết của Việt Nam tại Hội nghị các bên tham gia Công ước khí hậu lần thứ 26 (COP26) về đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Các định hướng, chính sách, chiến lược về phát triển kinh tế biển, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh chính là cơ hội, động lực cho phát triển kinh tế biển xanh, góp phần vào sự giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, biến đổi đại dương ở nước ta.

Đó cũng là sự khẳng định xu thế phát triển đúng đắn trong dài hạn của kinh tế biển Việt Nam để chủ động chuyển dần từ nền “kinh tế biển nâu” sang nền “kinh tế biển xanh” với các “lợi ích kép” cơ bản: góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và biến đổi đại dương, duy trì và tiến tới tăng cường nguồn vốn tự nhiên biển, cải thiện nguồn vốn văn hóa biển đặc trưng, bảo đảm công bằng xã hội và hướng tới PTBV.

3.2. Thực trạng phát triển kinh tế biển xanh ở Việt Nam hiện nay

Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho thấy, sau 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW và các Nghị quyết của Chính phủ, các ngành kinh tế biển đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và bảo tồn các hệ sinh thái biển trên nền tảng tăng trưởng xanh. Toàn bộ 28 tỉnh, thành phố ven biển đã có nhiều

đóng góp vào tổng GDP toàn quốc. Cụ thể, năm 2018 là gần 51%; năm 2019 là 51%; năm 2020 hơn 50%; năm 2021 gần 50% và năm 2022 hơn 50%. Trong đó, quy mô ngành thủy sản, hệ thống nuôi trồng và đặc biệt là khai thác hải sản ngày càng mở rộng, tốc độ tăng trưởng cao, giá trị sản xuất lớn.

Nhằm giảm tối đa cường lực khai thác, bảo vệ nguồn lợi hải sản và phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững, mô hình nuôi trồng hải sản xa bờ (nuôi biển bằng lồng bè ngoài khơi) được đẩy mạnh triển khai. Theo thống kê của Tổng cục Thủy sản, hiện cả nước có 12 vùng nuôi nhuyễn thể an toàn đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, hằng năm trị giá xuất khẩu đạt khoảng 100 triệu USD, trong đó vào thị trường chính là EU (chiếm 64,2%), còn lại là các thị trường Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc, ASEAN... Giai đoạn 2010 - 2020, diện tích nuôi biển đã tăng từ 38.800 ha lên hơn 256.000 ha, với tốc độ tăng trưởng bình quân 23,3%/năm. Sản lượng khai thác biển năm 2022 đạt 3,67 triệu tấn.

Đặc biệt, du lịch, dịch vụ biển là ngành kinh tế biển được ưu tiên hàng đầu đã có sự phát triển nhanh chóng, từng bước tạo diện mạo mới cho hệ thống đô thị ven biển. Thống kê của Tổng cục Du lịch Việt Nam cho thấy, du lịch biển trong những năm qua tăng trưởng nhanh cả về doanh thu và số lượt du khách, tính bình quân chiếm tỷ trọng 71,5% doanh thu du lịch lữ hành của cả nước. Xét theo địa phương, bình quân doanh thu du lịch lữ hành của một địa phương giáp biển cao gấp 3,2 lần so với một địa phương không giáp biển. Du lịch biển đóng góp quan trọng vào kết quả chung của ngành du lịch.

Bên cạnh đó các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới công nghiệp tàu thủy, đóng và sửa chữa tàu biển, thông tin liên lạc... gắn với tăng trưởng xanh cũng có sự phát triển đáng ghi nhận.

Thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam cho biết, lũy kế 5 tháng đầu năm 2024, tổng sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam đạt hơn 346 triệu tấn (+17% yoy). Trong đó sản lượng hàng nhập khẩu ghi nhận 107 triệu tấn (+27% yoy), sản lượng hàng xuất khẩu đạt 84 triệu tấn (+17% yoy) và sản lượng vận tải nội địa đạt 154 triệu tấn (+11% yoy). Sản lượng hàng container thông qua toàn hệ thống cảng Việt Nam đạt 11,6 triệu Teu, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2023.

Các dịch vụ phụ trợ ngành hàng hải như dịch vụ đóng mới tàu biển, sửa chữa tàu, dịch vụ logistics có bước phát triển mạnh mẽ. Tính đến tháng 6/2024, cả nước có khoảng 300.000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực logistics, trong đó có khoảng 1.300 doanh nghiệp tham gia cung cấp các loại hình dịch vụ hàng hải và khoảng 30 doanh nghiệp logistics lớn trên thế giới đang hoạt động tại Việt Nam.

Cùng với đó, các ngành kinh tế biển mới và năng lượng tái tạo được đẩy mạnh và có bước phát triển. Hiện cả nước có 9 nhà máy/trang trại điện gió đang vận hành với tổng công suất 304,6 MW, trong đó lớn nhất là trang trại điện gió Bạc Liêu với gần 100 MW, nhỏ nhất là nhà máy điện gió Phú Quý 6 MW nổi lưới độc lập (không nối lưới điện quốc gia) trên đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận, còn lại là 7 nhà máy điện gió quy mô công suất nhỏ dưới 50 MW. Bên cạnh đó, 18 dự án nhà máy/trang trại điện gió đã được khởi công và đang trong quá trình xây dựng với tổng công suất 812 MW, trong đó có 2 dự án có công suất từ 100 MW trở lên là Bạc Liêu 3 và Khai Long (Cà Mau), còn lại 16 dự án có quy mô công suất nhỏ từ 20 MW đến 65 MW. Cùng với đó, các nguồn năng lượng tái tạo khác từ biển như năng lượng sóng biển, thủy triều, điện hải lưu

cũng đã được đưa vào nghiên cứu. Các ngành kinh tế biển mới có giá trị hàm lượng khoa học, kỹ thuật cao hướng tới tăng trưởng bền vững được đánh giá là điểm đột phá của Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam hướng tới phát triển kinh tế biển xanh.

Với chủ trương xanh hóa các ngành công nghiệp biển, các khu kinh tế, khu công nghệ cao, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn, khu đô thị sinh thái ven biển thân thiện với môi trường và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh dần được hình thành. Các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển đã đóng góp những kết quả đáng kể, quan trọng vào phát triển kinh tế các tỉnh ven biển nói riêng và kinh tế cả nước nói chung [1, 10].

3.3. Vai trò của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế biển xanh

Doanh nghiệp là một bộ phận cấu thành quan trọng trong tổng thể các hoạt động của nền kinh tế, trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng đồng thời cũng liên quan nhiều đến các vấn đề suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường biển trong quá trình sản xuất - kinh doanh.

Kết quả hoạt động của mỗi doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến người dân hoặc địa phương - nơi doanh nghiệp đặt trụ sở hoạt động và còn ảnh hưởng đến cả nước. Do đó, doanh nghiệp phải có trách nhiệm với các tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng, thông qua các hành vi kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên. Doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho công tác BVMT, tăng trưởng xanh sẽ đóng góp vào sự thịnh vượng và PTBV của mỗi địa phương và cả quốc gia.

Đối với nền kinh tế biển xanh, doanh nghiệp được xem là một trong những lực lượng có vai trò dẫn dắt trong tiến trình thực hiện chuyển đổi

xanh. Bởi vì để sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp phải xây dựng chiến lược sử dụng nguồn năng lượng, nên khi doanh nghiệp nhận thức, hiểu rõ được vai trò của việc sử dụng nguồn năng lượng sạch, có thể tái tạo sẽ góp phần quan trọng vào quá trình chuyển đổi xanh nền kinh tế biển.

Có thể thấy chuyển đổi xanh mang lại cho cộng đồng doanh nghiệp cả cơ hội và thách thức đan xen. Mục tiêu của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Tuy nhiên, đứng trước các yêu cầu về PTBV kinh tế biển, cộng đồng doanh nghiệp phải đóng vai trò nòng cốt và mang tính quyết định trong việc “đầu tư xanh”, “chuyển đổi xanh” và thực hành “kinh doanh bền vững”.

Việc thực hiện mô hình phát triển kinh tế biển xanh và các chuẩn mực ESG (bộ tiêu chuẩn đo lường những yếu tố môi trường, xã hội và quản trị) không chỉ là xu thế mà còn là điều kiện bắt buộc. Chúng giúp doanh nghiệp thúc đẩy tăng trưởng, hiệu suất kinh doanh, tạo ra cơ hội kinh doanh mới. Đồng thời giúp cho doanh nghiệp dễ thành công hơn trong bối cảnh mà nhận thức về các vấn đề xã hội, môi trường của cộng đồng ngày càng cao.

Theo báo cáo “Kinh tế biển xanh Việt Nam - Cơ hội và thách thức” do Bộ Tài nguyên và Môi trường và UNDP (công bố tháng 5/2022) cho thấy, các doanh nghiệp đã và đang tham gia vào rất nhiều hoạt động kinh tế biển xanh ở nước ta: kinh tế hàng hải; đánh bắt và nuôi trồng hải sản; du lịch biển, đảo... cũng như các hoạt động kinh tế không diễn ra trên biển nhưng liên quan trực tiếp đến khai thác biển như đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; công nghiệp chế biến hải sản; cung cấp dịch vụ hậu cần nghề biển; nghiên cứu khoa học và công nghệ biển, điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển và gần đây là khai thác năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển

mới... Việc các doanh nghiệp chung sức, đồng lòng thực hiện tốt các biện pháp, mô hình kinh tế biển xanh sẽ giúp bảo vệ, phục hồi và duy trì bền vững các dịch vụ hệ sinh thái biển khỏe mạnh, tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh và thu hút đầu tư đồng thời cũng tạo ra lợi ích kinh tế, đem lại cơ hội tăng trưởng bao trùm, dài hạn đóng góp quan trọng vào sự PTBV của doanh nghiệp gắn với PTBV kinh tế biển.

Việt Nam đã tham gia 15 hiệp định thương mại tự do AFTA, EVFTA, CPTPP..., điều đó cho thấy, để có thể xuất khẩu thủy hải sản bền vững bắt buộc các doanh nghiệp phải đáp ứng tiêu chuẩn “xanh” trong chuỗi cung ứng... Ngoài ra, việc Liên minh châu Âu (EU) chính thức áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) từ 01/01/2026, đòi hỏi các doanh nghiệp, ngành hàng liên quan đến biển buộc phải có những nhận thức và tư duy mới về thực hiện “Kinh tế biển xanh” để tăng khả năng cạnh tranh khi xuất khẩu và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng bền vững của thị trường thế giới [9].

Yêu cầu thực hiện các cam kết về “Tiêu chuẩn xanh” trong phát triển kinh tế biển cũng đã được thể chế hóa thông qua nhiều văn bản chính sách, pháp luật của Việt Nam, trong đó có nhấn mạnh vai trò trong việc nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng xanh. Điều đó cho thấy phát triển kinh tế biển xanh bền vững, không chỉ là trách nhiệm tuân thủ mà còn là con đường duy nhất giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị cùng trách nhiệm “xanh” và trách nhiệm xã hội (CSR).

3.4. Một số thách thức và giải pháp

3.4.1. Một số thách thức

Thứ nhất, nhận thức về chuyển đổi xanh còn hạn chế

Theo khảo sát của VCCI cho thấy mức độ hiểu biết về chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh và kinh tế biển xanh của các cấp, các ngành, các địa phương ven biển, các doanh nghiệp và người dân đang rất hạn chế, thậm chí rất khác biệt; ý thức chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển còn yếu kém. Chỉ có 31,8% doanh nghiệp tư nhân trong nước cho biết họ hiểu rõ các quy định môi trường và những ảnh hưởng của vấn đề môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng về chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh và đặc biệt liên quan tới kinh tế biển xanh thì không có số liệu; và mức độ đầu tư của doanh nghiệp cho đổi mới, thực hành xanh cũng mới ở mức độ khởi đầu [11].

Theo báo cáo của UNDP (năm 2021), ngay cả trong các lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng như sản xuất, vận tải, xây dựng, cũng chỉ có khoảng 1/2 số doanh nghiệp áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên. Mức độ hiểu biết về nội hàm của kinh tế biển xanh còn chưa đầy đủ và có sự khác biệt. Điều đó cho thấy việc thúc đẩy nhận thức và thực hiện các chuẩn mực ESG liên quan đến định hướng, động lực tăng trưởng, PTBV của doanh nghiệp là cực kỳ quan trọng.

Thứ hai, quá trình tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng còn khó khăn

Đổi mới tư duy về nhận thức, cách tiếp cận chuyển đổi các ngành, các cơ sở sản xuất kinh tế biển từ “nâu” sang “xanh” cũng đồng thời là quá trình tái cơ cấu lại quy trình sản xuất, công nghệ kỹ thuật trong điều kiện cơ sở hạ tầng các vùng biển, ven biển và đảo còn yếu kém, lạc hậu, manh mún. Việc không muốn đánh đổi các lợi ích, lợi nhuận hấp dẫn trước mắt lấy sự PTBV, lâu dài dẫn đến chất lượng tăng trưởng kinh tế biển còn thấp, phát triển kinh tế biển chưa bền vững; hệ thống chính sách, pháp luật

PTBV kinh tế biển chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, chưa tạo được sức mạnh để điều chỉnh các hoạt động phát triển kinh tế biển xanh; việc thiếu các văn bản pháp lý quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể trong một số nội dung định hướng, chính sách đầu tư kinh tế biển xanh tạo sự chông chéo, xung đột, hạn chế trong quản lý và phát triển các nguồn lực... là những nguyên nhân, thách thức lớn.

Thứ ba, các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là vừa và nhỏ, trình độ công nghệ còn thấp

Doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế biển xanh bởi họ là lực lượng trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế biển xanh. Tuy nhiên các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, trình độ công nghệ thấp, năng lực tài chính và quản trị yếu, mức độ tuân thủ các quy định về môi trường chưa cao.

Hơn nữa, công nghệ sản xuất xanh về cơ bản là công nghệ mới, tốn kém nên không phải doanh nghiệp nào cũng có thể tiếp cận. Ngoài ra, chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của hầu hết các lĩnh vực kinh tế biển xanh đều đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn, đây là những vấn đề lớn vô cùng quan trọng cần có giải pháp để giải quyết.

Phát triển kinh tế biển nước ta còn chịu nhiều tác động trực tiếp, cả trong ngắn hạn và dài hạn, từ chính các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đảo và vùng ven biển [5]. Việc xung đột giữa mục tiêu tăng trưởng xanh và lợi ích kinh tế trước mắt của doanh nghiệp là vấn đề mâu chốt, những thách thức đáng kể đối với doanh nghiệp cần được các bộ ngành chức năng, các cấp chính quyền quan tâm thấu đáo bằng việc kiến tạo môi trường chính sách, pháp lý bền vững tạo điều kiện để doanh nghiệp quyết tâm đổi mới quản trị, vượt qua thách thức, đẩy mạnh đầu tư phát triển chiến lược

xanh trong khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT biển, hải đảo.

Thứ tư, thách thức về nguồn nhân lực cho kinh tế biển xanh

Việt Nam có lực lượng lao động làm việc trong những ngành nghề trực tiếp liên quan đến các ngành như năng lượng tái tạo, quy hoạch không gian biển, ngành nuôi biển và nhiều ngành kinh tế còn ít về số lượng và yếu về chất lượng.

Nguồn lực về khoa học và công nghệ biển còn khá thấp, công tác đào tạo nguồn nhân lực biển để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các ngành kinh tế biển, việc thu hút đầu tư, công nghệ và tài chính quốc tế phục vụ cho phát triển kinh tế biển xanh còn yếu là những điểm hạn chế không nhỏ cần được giải quyết trong thời gian tới.

3.4.2. Một số giải pháp

Thứ nhất, thống nhất nhận thức, tư duy trong phát triển kinh tế biển xanh

Việc thực hiện thành công nền kinh tế biển xanh vì sức khỏe biển, đại dương phụ thuộc rất nhiều vào vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý và chính các đơn vị doanh nghiệp. Do vậy, nhà nước cần đóng vai trò kiến tạo cho doanh nghiệp trong mọi hoạt động về chuyển đổi xanh, BVMT biển và phát triển bền vững kinh tế biển. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập nâng cao nhận thức, kiến thức về vai trò, tầm quan trọng của phát triển kinh tế biển xanh mà trước hết là đẩy mạnh quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế biển xanh.

Phát triển kinh tế biển xanh phải được coi là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư. Đặc biệt cần nâng cao nhận thức

của các cấp, các ngành về quan điểm coi “Môi trường là điều kiện, nền tảng, là yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững” [8].

Đồng thời tăng cường tuyên truyền theo chuyên đề chuyên sâu về PTBV kinh tế biển xanh để thay đổi cách tiếp cận, cách ứng xử đối với phát triển kinh tế biển xanh; trách nhiệm và sự cần thiết của phát triển kinh tế biển xanh tới sự PTBV của chính doanh nghiệp qua đó thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển đổi kinh tế biển xanh theo mục tiêu PTBV kinh tế biển.

Thứ hai, kiến tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho quá trình chuyển đổi xanh

Mặc dù có tầm nhìn chiến lược về PTBV kinh tế biển từ sớm nhưng Việt Nam còn nhiều hạn chế trong đổi mới tư duy, cách tiếp cận thực hiện “chuyển đổi xanh”, “phát triển kinh tế biển xanh”. Do vậy, cần rà soát nghiên cứu, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thể chế hóa nền kinh tế biển xanh, kiến tạo môi trường pháp lý thuận lợi thông qua chính sách, thủ tục hành chính bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc đầy đủ, tối ưu hóa nguồn lực, sự phối hợp liên vùng, liên ngành.

Cần đồng bộ các giải pháp hướng đến chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh và PTBV kinh tế biển phù hợp với thực tế ngành, địa phương, các quy luật của kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nhân tố quyết định đến thành công của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Thứ ba, phát huy vai trò tiên phong của doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải tích cực, chủ động, trách nhiệm, tiên phong, nòng cốt trong xây dựng nền kinh tế biển xanh dựa trên các nguyên tắc PTBV kinh tế biển, kiên định với chiến lược dài hạn với vai trò, dẫn dắt, mở đường trong từng giai đoạn phát triển.

Đặc biệt, hạn chế phát triển các ngành sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường kết hợp cơ chế thúc đẩy tái chế, tái sử dụng, nâng cao hiệu quả tài nguyên thông qua mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ giúp hạn chế phát thải. Qua đó góp phần phòng ngừa, ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm và các sự cố môi trường biển.

Yếu tố quan trọng nhất để doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, bền vững là con người, công nghệ, phương thức và mô hình kinh doanh, do đó các doanh nghiệp cần tiếp cận, tận dụng tối đa những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến hiện đại trên thế giới về công nghệ biển.

Thứ tư, đồng bộ các giải pháp thực hiện phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam

Các địa phương, doanh nghiệp cần tích cực tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, giải pháp tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 31/CT-TTg, ngày 24/11/2021, của Thủ tướng Chính phủ, “Về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030”; Quyết định số 450/QĐ-TTg 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030; Quyết định số 729/QĐ-TTg, ngày 16/6/2022, của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc phê duyệt Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030”... nhằm đổi mới tư duy về tầm quan trọng của việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW đối với phát triển kinh tế biển xanh.

Đây cũng chính là con đường để các doanh nghiệp Việt Nam vừa tăng trưởng kinh tế vừa hướng tới phát triển kinh tế biển xanh nhanh, hiệu quả và bền vững.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển có chất lượng cao, có kỹ năng biển đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến phát triển các ngành, lĩnh vực theo hướng kinh tế biển xanh, nhất là đội ngũ cán bộ trong bộ máy quản lý, doanh nhân, công nhân kỹ thuật những ngành đòi hỏi trình độ khoa học công nghệ cao như năng lượng tái tạo, nuôi biển quy mô lớn, phục hồi hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức, cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính cũng như kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm cũng như thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, dữ liệu, chuyển giao công nghệ và các mô hình kinh doanh mới dựa vào hệ sinh thái, thân thiện với môi trường để PTBV kinh tế biển.

4. KẾT LUẬN

Phát triển kinh tế biển xanh để PTBV kinh tế biển đang trở thành xu hướng, lựa chọn tất yếu sống còn của nền kinh tế nước ta trong số các hoạt động phát triển KT-XH của đất nước. Mô hình “kinh tế biển xanh” trên cơ sở nâng cao vai trò trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được xem là một giải pháp căn cơ, lâu dài tạo ra sự ổn định và bền vững đối với PTBV kinh tế biển Việt Nam.

Các doanh nghiệp cần phải có những hành động quyết liệt, kịp thời, đây cũng là yếu tố then chốt để thực hiện mục tiêu PTBV số 14 về biển và đại dương, nền tảng để Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển trong tiến trình hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021). *Báo cáo thuyết minh Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
2. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
3. Nguyễn Đình Đáp & nk (2021). Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam dựa trên nền tảng kinh tế biển xanh. *Tạp chí Cộng sản* tháng 11/2021.
4. Nguyễn Chu Hồi (2020). *Kinh tế biển xanh: Các vấn đề và cách tiếp cận cho Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật năm 2020.
5. Phát triển kinh tế biển xanh “Chìa khóa” đưa đất nước thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển: <https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/bai-1-kinh-te-bien-xanh-nen-tang-cho-su-phat-trien-ben-vung-612038.html>.
6. Phát triển bền vững và sự thay đổi tư duy kinh doanh; <https://www.vccinews.vn/prode/43-kinh-doanh.html>.
7. Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 về *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
8. Trần Vũ Trung (2023). Cơ chế điều chỉnh biên giới Carbon của Liên minh châu Âu và khả năng ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2 tháng 6/2023 (803) trang 74 -76.
9. Vũ Ngọc Loan và nnk (2023). Thực trạng phát triển kinh tế biển ở Việt Nam. *Tạp chí tài chính – quản trị kinh doanh* số 29 tr 70 - 79.
10. VCCI sẽ công bố chỉ số xanh cấp tỉnh trong năm 2023 <https://pcvietnam.vn/tin-tuc-su-kien/vcci-se-cong-bo-chi-so-xanh-cap-tinh-trong-nam-2023-ct4112.html>
11. Xây dựng kinh tế biển xanh - trọng điểm cho phát triển bền vững biển Việt Nam, <https://nhandan.vn/xay-dung-kinh-te-bien-xanh-trong-diem-cho-phat-trien-ben-vung-bien-vie-t-nam-post336552.html>.

Thông tin tác giả:

Nguyễn An Thịnh, Nguyễn Thị Phương Nhung - Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội
Hoàng Quốc Lâm - Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và môi trường, Bộ TN&MT.
Địa chỉ liên hệ: số 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Email: anthinhhus@gmail.com; Điện thoại: 0912300314

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 12/8/2024
Biên tập: 10/2024